ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Số: 146 /QĐ-BQL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Bái, ngày 12 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc công trình Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái (lần 2)

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về thi tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định 2108/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060;

Căn cứ Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 02/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII – Kỳ họp thứ 18 về mức vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm B sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Văn bản số 945/UBND-XD ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc công trình Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái (lần2);

Căn cứ Văn bản số 961/SXD-QHKT ngày 06/5/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái về việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc công trình Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái (lần 2);

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch – Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Nhiệm vụ thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc công trình Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái (lần 2);

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCKT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH YÊN BÁI

Hoàng Việt Hóa

CỘNG HÒA – XÃ HỘI - CHỦ NGHĨA - VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHIỆM VỤ THI TUYỂN
PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC
(LẦN 2)

DỰ ÁN

TRUNG TÂM HỘI NGHỊ TỈNH YÊN BÁI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG ĐỒNG TÂM, THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

CHỦ ĐẦU TƯ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH YÊN BÁI

Yên Bái, tháng 5 năm 2022

NHIỆM VỤ THI TUYỂN PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC

(Kèm theo Quyết định số 146 /QĐ-BQL ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái)

A. THÔNG TIN VỀ CUỘC THI

- Tên cuộc thi: Thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái.
- Cơ quan quyết định thi tuyển: Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.
- Cơ quan tổ chức thi tuyển: Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái.
- Địa điểm xây dựng dự án: Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Tổng mức đầu tư dự án: **300.000 triệu đồng** *(Ba trăm tỷ đồng)*
- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác..
- Hình thức đầu tư: Đầu tư công (xây dựng mới).

B. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP NHIỆM VỤ THI TUYỂN

1. Các văn bản pháp lý chung

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về thi tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ các số liệu và tài liệu khác có liên quan.

2. Các căn cứ pháp lý của dự án

Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060;

Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 2/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII – Kỳ họp thứ 18 về mức vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm B sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Quyết định số 171/QĐ-BQL ngày 19/6/2021 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Nhiệm vụ thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc công trình Trung tâm hội nghị tỉnh Yên Bái;

Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch, dự toán chi phí và quy chế thi tuyển phương án kiến trúc công trình Trung tâm hội nghị tỉnh Yên Bái;

Văn bản số 945/UBND-XD ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh Yên Bái về ý kiến tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc công trình Trung tâm hội nghị tỉnh Yên Bái (lần 2);

Văn bản số 961/SXD-QHKT ngày 06/5/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái về việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc công trình Trung tâm hội nghị tỉnh Yên Bái (lần 2),

3. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dung công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

- QCVN 09:2017/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- TCVN 4319: 2012 về Nhà và công trình công cộng. Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- TCVN 4601: 2012 về Công sở cơ quan hành chính nhà nước;

- TCVN 9369: 2012 về Nhà hát – Tiêu chuẩn thiết kế;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của nhà nước khác có liên quan.

C. NHIỆM VỤ THI TUYỂN

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU LẬP NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

1. Sự cần thiết

Lập nhiệm vụ làm cơ sở để tổ chức Thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái.

2. Mục tiêu chung

Xây dựng Trung tâm Hội nghị không chỉ là điểm nhấn kiến trúc cho tỉnh Yên Bái, phục vụ cho các sự kiện quan trọng mà còn phát huy hiệu quả hoạt động phát triển du lịch. Dự án đa mục tiêu phục vụ tổ chức các chương trình cấp tỉnh như đại hội, hội thảo, hội nghị, biểu diễn nghệ thuật …ngoài ra Ủy ban nhân dân tỉnh còn có thể giao cho Sở Văn hóa, thể thao và du lịch hoặc Thành phố phối hợp với các doanh

nghiệp, đơn vị liên quan thời gian tới tổ chức các sự kiện, chương trình văn hóa quy mô có độ mở tối đa để phục vụ du khách và đời sống văn hóa tinh thần của người dân.

Mục tiêu chính của Trung tâm là xây dựng công trình hoàn thiện quy hoạch chung của tỉnh, kết hợp phát huy tiềm năng của MICE – loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện, du lịch khen thưởng … MICE - viết tắt của Meeting (hội họp), Incentive (khen thưởng), Convention (hội nghị, hội thảo) và Exhibition (triển lãm), hiện nay đang rất phát triển có thể giới thiệu cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hóa, hạ tầng dịch vụ của Việt Nam ra thế giới.

3. Mục tiêu cụ thể

Lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc và quy hoạch tổng mặt bằng đáp ứng yêu cầu về công năng, mục đích sử dụng và có giải pháp thiết kế công trình (về hình khối, màu sắc, hình thái mặt đứng…) độc đáo, mang tính đặc trưng của tỉnh Yên Bái phù hợp với mục tiêu hướng tới của công trình.

II. ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Địa điểm thực hiện dự án Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái thuộc phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp đường Nguyễn Văn Cừ;

- Phía Đông giáp Trụ sở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhanh Yên Bái;

- Phía Tây giáp đường Điện Biên và Quảng trường 19/8;

- Phía Nam giáp đường nội bộ công viên và đất công viên, cây xanh hồ Hào Gia.

III. CÁC YÊU CẦU VỀ QUY MÔ VÀ THỜI HẠN SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH, CÔNG NĂNG SỬ DỤNG VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT KHÁC ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH

1. Quy mô dự án

- Tên dự án: Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái

- Địa điểm: Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

- Diện tích đất: 2,62 ha

- Chức năng sử dụng đất: Công trình dân dụng (Công trình văn hóa)

- Cấp công trình: Cấp I

- Nhóm dự án: Nhóm B

- Diện tích xây dựng: Khoảng 2.500 m2

- Tổng diện tích sàn: Khoảng 10.000 m2

- Mật độ xây dựng: ≤ 30%

- Tầng cao: Từ 3- 5 tầng

(Đơn vị tham gia dự thi có thể đề xuất giải pháp tối ưu hơn và cần nêu rõ lý do, giải pháp thực hiện, đảm bảo tính khả thi của dự án, phù hợp với nhu cầu sử dụng)

2. Các yêu cầu về Quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình

2.1. Yêu cầu về Quy hoạch Tổng mặt bằng

- Mặt bằng tổng thể công trình hợp lý, bố trí các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật đô thị, cây xanh, sân vườn, giao thông khu vực trong và ngoài công trình đẹp, thuận tiện.

- Quy hoạch đảm bảo kết nối hiệu quả giữa các chức năng sử dụng khác nhau, giữa không gian bên trong với không gian bên ngoài công trình, đảm bảo liên hệ tốt với hệ thống giao thông khu vực và đảm bảo các yêu cầu về an ninh, an toàn PCCC, thoát hiểm khi có sự cố xảy ra.

- Tổng thể kiến trúc công trình gắn bó với bố cục không gian và cảnh quan xung quanh.

2.2. Yêu cầu về kiến trúc

- Xác định ý tưởng, chủ đề kiến trúc của phương án dự thi.

- Xác định tính chất và chức năng Trung tâm Hội nghị tỉnh đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng, hình thức kiến trúc mang tính hiện đại, hội nhập, thuận lợi cho các sự kiện quan trọng như đại hội, hội thảo, hội nghị, biểu diễn nghệ thuật…trong và bên ngoài công trình, đồng thời kết hợp tổ chức các không gian đa chức năng phục vụ các cơ quan, tổ chức và cộng đồng.

- Thiết kế phương án kiến trúc tối ưu, phù hợp với quy hoạch chung của thành phố, có tính sáng tạo và khả thi, đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc phù hợp quy hoạch xây dựng được duyệt, tạo được sự gắn kết hài hòa với không gian xung quanh, tạo lập hình ảnh đặc trưng riêng, kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh khu vực.

- Tận dụng thông gió, chiếu sáng tự nhiên, tiết kiệm năng lượng, thân thiện và phù hợp với môi trường.

- Có giải pháp quản lý và vận hành thuận tiện đúng theo các chức năng của công trình.

2.3. Yêu cầu về công năng sử dụng

- Đơn vị, cá nhân tham gia thi tuyển đề xuất phương án thiết kế tổng mặt bằng và hình khối kiến trúc công trình Trung tâm Hội nghị tỉnh phải đảm bảo hài hòa với không gian kiến trúc, cảnh quan chung của quy hoạch tỉnh Yên Bái.

- Đề xuất các giải pháp thiết kế công năng tối ưu, phân định các không gian đa chức năng, phân luồng giao thông các khu vực phục vụ sự kiện quan trọng và các khu vực phục vụ cộng đồng *(Xem chi tiết phụ lục 01).*

2.4. Yêu cầu về vật liệu sử dụng

- Ưu tiên sử dụng những vật liệu chất lượng cao địa bàn sẵn có kết hợp các loại vật liệu hiện đại.

- Sử dụng vật liệu hoàn thiện công trình thích hợp, bền vững, an toàn, vệ sinh, phù hợp với các điều kiện khí hậu của Việt Nam.

3. Các yêu cầu về giải pháp kỹ thuật

3.1. Yêu cầu chung

- Sử dụng các hệ thống giải pháp kỹ thuật hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, có độ ổn định lâu dài, phù hợp với quy hoạch, cảnh quan, điều kiện tự nhiên và đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng của dự án.

- Phương án thiết kế có tính khả thi cao, thuận lợi cho công tác thi công xây dựng với công nghệ phù hợp.

- Phương án thi công phải đảm bảo phù hợp với vị trí xây dựng và điều kiện thực tế ở địa phương. Ưu tiên các giải pháp kỹ thuật công nghệ tiên tiến, tiết kiệm vốn đầu tư.

3.2. Giải pháp kết cấu

- Giải pháp kết cấu hợp lý, hiện đại, an toàn, bền vững, đảm bảo tính khả thi và ổn định lâu dài theo cấp công trình.

- Đáp ứng được các yêu cầu về không gian và thẩm mỹ kiến trúc.

- Đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam quy định hiện hành và các tiêu chuẩn nước ngoài được phép áp dụng tại Việt Nam.

3.3. Giải pháp cơ điện

3.3.1. Yêu cầu về cấp điện

- Đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định và an toàn cho toàn bộ công trình thông qua trạm biến áp. Máy phát có hệ số dự phòng cao.

- Các thiết bị phải hiện đại, đồng bộ và an toàn.

3.3.2. Yêu cầu về cấp - thoát nước

- Nguồn nước cấp từ mạng lưới chung của đô thị, đảm bảo cung cấp cho tất cả các hoạt động đồng thời 24h/ngày; có bể nước dự phòng, bể nước cứu hỏa phù hợp quy định phòng cháy chữa cháy.

- Hệ thống thoát nước thải riêng, được xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước đô thị.

3.3.3. Yêu cầu về hệ thống mạng dữ liệu

- Hệ thống mạng lưới thông tin liên lạc hiện đại, đảm bảo liên lạc an toàn, liên tục và bảo mật.

3.3.4. Yêu cầu về hệ thống an ninh, vận hành công trình

- Thiết kế chức năng điều khiển, giám sát hệ thống kỹ thuật trong tòa nhà phù hợp với chức năng sử dụng.

- Cần có phương án cụ thể đảm bảo an ninh khu vực.

- Cần có thuyết minh giải pháp quản lý, khai thác, vận hành sử dụng dự án có tính khả thi phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chi phí vận hành công trình, giải pháp tiết kiệm năng lượng (nếu có); giải pháp khai thác, vận hành Trung tâm hội nghị kết hợp với kinh doanh dịch vụ (nếu có).

- Tổ chức giao thông nội bộ phù hợp và thuận tiện.Lối ra vào khu vực công trình phù hợp với giao thông chung và cảnh quan khu vực, có phương án đón/ tiễn khác VIP tham gia các sự kiến chính trị lớn. Bố trí lối đi riêng, thuận tiện cho người khuyết tật.

3.3.5. Yêu cầu về hệ thống điều hòa không khí, thông gió

- Giải pháp đáp ứng mọi nhiệm vụ của tòa nhà, đảm bảo yêu cầu kinh tế và tiết kiệm năng lượng.

- Tận dụng ưu thế thông gió, chiếu sáng tự nhiên, tính toán khối tích hợp lý, bố trí công năng sử dụng theo hướng công trình phù hợp để tiết kiệm chi phí điện năng.

3.3.6. Yêu cầu về phòng cháy chữa cháy

- Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy đảm bảo an toàn cao nhất, thuận tiện cho sử dụng; thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến, có độ tin cậy cao, có sự liên hệ thông tin trực tiếp tới đơn vị chữa cháy trung tâm của thành phố.

- Có hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đủ các phương tiện dụng cụ chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn tại chỗ.

- Thiết kế giao thông nội bộ thuận tiện, hợp lý. Khu để xe không làm ảnh hưởng đến giao thông chung của công trình và cảnh quan khu vực. Giao thông nội bộ đảm bảo có đường cho xe cứu hỏa tiếp cận các mặt công trình khi có sự cố.

3.3.7. Yêu cầu gắn kết cảnh quan chung của khu vực

- Phù hợp với nội dung chỉ tiêu dự án được phê duyệt, quy hoạch, cảnh quan kiến trúc, điều kiện tự nhiên tại khu vực xây dựng công trình.

- Tổ chức không gian tổng thể, đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật dự án tạo sự gắn kết chặt chẽ với các công trình xung quanh, cảnh quan chung của đô thị

- Khai thác tốt các điều kiện thuận lợi của địa phương

4. Xây dựng tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư dự án: Không vượt quá **300.000 triệu đồng***(Ba trăm tỷ đồng)*

- Có bảng khái toán tổng chi phí xây dựng dự án theo nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Có thuyết minh sơ bộ về tổng mức đầu tư.

- Sử dụng các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật theo các quy định hiện hành.

PHỤ LỤC 01: CÔNG NĂNG SỬ DỤNG CỦA DỰ ÁN

Stt	Các Hạng Mục Công Trình	Biên chế Số lượng	Đơn vị	DT tiêu chuẩn (m^2/người)		Diện tích theo yêu cầu (m2) *tạm tính*	Hệ số K	Tổng diện tích sàn (m2) *tạm tính*
	TỔNG CỘNG					**11.448**	**0,6**	**19.080**
A	**TRUNG TÂM HỘI NGHỊ**							
I	**KHỐI HỘI TRƯỜNG**					**6.963**		
1	Hội trường chính (1.000 chỗ)	1.000	chỗ			2.463		
1.1	Phần khán giả					1.910		
	- Số chỗ có bàn	160	chỗ	1,8	m^2/chỗ	288		
	- Số chỗ không có bàn	840	chỗ	0,9	m^2/chỗ	756		
	- Sảnh vào	1.600	chỗ	0,18	m^2/chỗ	288		
	- Nơi gửi đồ + bán vé	1.600	chỗ	0,03	m^2/chỗ	48		
	- Hành lang phân phối khách	1.000	chỗ	0,2	m^2/chỗ	200		
	- Sảnh nghỉ	1.000	chỗ	0,3	m^2/chỗ	300		
	- WC khán giả (nam/ nữ)	1.000	chỗ	0,03	m^2/chỗ	30		
1.2	Phần sân khấu					423		
	- Diện tích sân khấu			30	% DT phòng	313,2		
	- Diện tích sân khấu phụ (không gian phụ trợ)			35	% DT SK	110		
1.3	Các phòng chức năng phục vụ biểu diễn					130		
	- Phòng kỹ thuật âm thanh, ánh sáng sân khấu	1	phòng	20	m^2/phòng	20		
	- Phòng hóa trang	2	phòng	30	m^2/phòng	60		
	- Phòng vẽ quảng cáo	1	phòng	50	m^2/phòng	50		
	- WC diễn viên (nam/nữ)	4	phòng					
2	Hội trường đa năng (150 chỗ và 300 chỗ)					1500		
	- Hội trường phụ (300 chỗ)	300	chỗ	1	m^2/chỗ	300		
	- Hội trường phụ (150 chỗ) (2 phòng)	300	chỗ	1	m^2/chỗ	300		
	- Phòng hội thảo nhỏ (4 phòng)	4x50	chỗ	2,0	m^2/chỗ	400		
	- Phòng hội thảo lớn (2 phòng)	2x100	chỗ	1,5	m^2/chỗ	300		
	- Phòng trưng bày truyền thống (1 phòng)	200	chỗ	1	m^2/chỗ	200		
3	Các phòng chức năng phục vụ					600		
	- Phòng chuẩn bị hội thảo	4	phòng	15	m^2/phòng	60		
	- Phòng kỹ thuật	2	phòng					

Stt	Các Hạng Mục Công Trình	Biên chế Số lượng	Đơn vị	DT tiêu chuẩn (m^2/người)		Diện tích theo yêu cầu (m2) *tạm tính*	Hệ số K	Tổng diện tích sàn (m2) *tạm tính*
	- Sảnh giải lao	2	khu					
	- Kho	6	phòng					
4	Phần công cộng + kỹ thuật nghiệp vụ					2.400		
	- Phòng họp báo	1	phòng					
	- Phòng khách lớn (p. Khánh tiết lớn)	2	phòng					
	- Phòng khách nhỏ (p. Khánh tiết nhỏ)	4	phòng					
	- Không gian đa năng (triển lãm, sảnh chờ, tiệc đứng cho các buổi họp)	1	phòng					
	- Kho chung (đạo cụ, bàn ghế, trang phục)	1	phòng					
	- Kỹ thuật điều hòa	2	phòng					
	- Phòng kỹ thuật	2	phòng					
	- WC (nam/ nữ)	4	phòng	20				
II	**KHỐI NHÀ HÀNG, TỔ CHỨC TIỆC** *(Kết hợp sử dụng cho các chương trình sự kiện của Tỉnh và phục vụ nhu cầu người dân)*					**2.850**		
1	Khu phòng tiệc lớn 800 chỗ (*tổ chức tiệc, sự kiện phục vụ hội thảo, hội nghị, tiệc cưới ..*)	800	chỗ	1,4	m^2/chỗ	1.120		
2	Nhà hàng *(không gian mở phục vụ người dân)*							
2.1	Khu trong nhà *(Phòng ăn, phòng VIP)*	200	chỗ	2	m^2/chỗ	400		
2.2	Khu ngoài trời *(Café, giải khát, sân khấu ngoài trời, chiếu phim ....)*	200	chỗ	2	m^2/chỗ	400		
3	Khu kho và bếp	1.000	chỗ	0,7	m^2/chỗ	700		
	- Kho các loại (kho gas, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, dụng cụ, kho gia vị)							
	- Khu rửa							
	- Bộ phận gia công thô							
	- Bộ phận gia công tinh							
	- Bộ phận bếp nấu							
	- Khu vực soạn chia							
4	Khối làm việc quản lý, nghỉ nhân viên	1.000	chỗ	0,2	m^2/chỗ	200		
	- Nghỉ nhân viên							
	- Quản lý (khép kín)							
	- Thay đồ và WC nam							

Stt	Các Hạng Mục Công Trình	Biên chế Số lượng	Đơn vị	DT tiêu chuẩn (m^2/người)		Diện tích theo yêu cầu (m2) *tạm tính*	Hệ số K	Tổng diện tích sàn (m2) *tạm tính*
	- Thay đồ và WC nữ							
5	WC khách (Nam/ nữ) *Dùng chung cho cả khối quảng trường*	1.000	chỗ	0,03	m^2/chỗ	30		
III	**KHỐI QUẢN LÝ, HÀNH CHÍNH**					**635**		
1	Ban giám đốc					54		
	- Phòng giám đốc	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Phòng phó giám đốc	2	phòng	18	m^2/phòng	36		
2	Các ban chức năng					397,1		
	- Ban hành chính tổng hợp	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Ban quản trị	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Ban kế hoạch	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Ban tài chính kế toán	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Văn thư, lưu trữ	1	phòng	20	m^2/phòng	20		
	- Phòng tiếp khách (p. Khánh tiết)	1	phòng	20	m^2/phòng	20		
	- Phòng chủ tịch đoàn	1	phòng	40	m^2/phòng	40		
	- Phòng họp	2	phòng	20	m^2/phòng	40		
3	Các ban nghiệp vụ					**184**		
	- Ban hợp tác và phát triển dịch vụ	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Ban an ninh bảo vệ	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Kỹ thuật tòa nhà	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Ban lễ tân	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Ban nghiệp vụ	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Bảo vệ và trực phòng cháy chữa cháy	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Phòng Y tế	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
	- Kho	1	phòng	18	m^2/phòng	18		
4	WC (Nam/ nữ)	2	phòng	20	m^2/phòng	40		
IV	**KHU ĐỂ XE TRONG NHÀ** (Nhà xe, Khu vực để xe trong nhà)					**1.000**		
B	**KHỐI QUẢNG TRƯỜNG, VƯỜN HOA** (Không gian phục vụ cộng đồng mở cửa tự do)					**6.000**		
1	Quảng trường (sân chơi, triển lãm ngoài trời, nhạc nước, hội chợ, mê cung…)							
2	Vườn hoa (không gian tạo điểm nhấn)							
3	Phố sách (hội chợ sách, cửa hàng sách)							
4	Bãi đỗ xe ngoài nhà					1.000		

Stt	Các Hạng Mục Công Trình	Biên chế Số lượng	Đơn vị	DT tiêu chuẩn (m^2/người)		Diện tích theo yêu cầu (m2) *tạm tính*	Hệ số K	Tổng diện tích sàn (m2) *tạm tính*
C	**HẠ TẦNG, PHỤ TRỢ**							
1	Trạm kỹ thuật	1	trạm					
2	Cây xanh, vườn hoa (khu vực kỹ thuật)		m^2					
3	Sân, đường giao thông nội bộ		m^2					